

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh
và phân phối lợi nhuận năm 2026**

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;
Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/6/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;
Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và dự đoán tình hình thực hiện năm 2026 của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận năm 2026, với các nội dung chủ yếu như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch sản xuất kinh doanh		
1	Nước thương phẩm	Triệu m ³	17,8
2	Doanh thu	Triệu đồng	158.700
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	25.925
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	20.740
5	Nộp ngân sách	Triệu đồng	35.000
II	Phân phối lợi nhuận	%	100
1	Quỹ đầu tư phát triển	%	1
2	Quỹ thưởng người quản lý	%	2,5
3	Dự phòng phải trả khác	%	1
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	%	23
	- Quỹ khen thưởng (KH 60%)	%	13,8
	- Quỹ phúc lợi (KH 40%)	%	9,2
5	Cổ tức	%	72,5

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Tài liệu kèm theo: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 và các phụ lục.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, BĐH Công ty;
- Lưu: VT, TK, KHKD.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hồ Tấn Luật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



KẾ HOẠCH

SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026



Cà Mau, ngày 29 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2025
và điều chỉnh kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau năm 2021;
Căn cứ Biên bản số 02/BB-HĐQT ngày 25/3/2026 của Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Tờ trình số 12/TTr-CNCM ngày 23/3/2026 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau về việc phê duyệt mức tiền lương, thù lao và tiền thưởng thực hiện năm 2025 (*kèm theo Tờ trình*).

Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành: 05/05 thành viên, tỷ lệ 100%.

Điều 2. Thống nhất thông qua Tờ trình số 13/TTr-CNCM ngày 23/3/2026 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau về việc điều chỉnh kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 (*kèm theo Tờ trình*).

Cụ thể:

Tổng quỹ tiền lương, quỹ thù lao kế hoạch năm 2026 (sau khi điều chỉnh):
47.291.496.000 đồng. Trong đó:

- Tổng quỹ tiền lương : 46.811.496.000 đồng.
- Tổng quỹ thù lao : 480.000.000 đồng.

Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành: 05/05 thành viên, tỷ lệ 100%.

Điều 3. Ban điều hành Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau thực hiện các thủ tục quyết toán, chi trả tiền lương thực hiện năm 2025; Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau theo quy định.

Điều 4. Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và một số nội dung (liên quan đến mức tiền lương, quỹ tiền lương của người lao động) tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 29/12/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau không còn phù hợp với Nghị quyết này đều được bãi bỏ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban kiểm soát Công ty;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Công ty;
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hồ Tấn Luật

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2025

Căn cứ Luật Quản lý và Đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025;

Căn cứ Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Công văn số 01868/UBND-KTTH ngày 05/8/2025 của UBND tỉnh Cà Mau về việc quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 đối với người lao động, Ban điều hành, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/9/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau về việc thống nhất điều chỉnh kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 04/10/2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua nội dung cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 04/10/2025;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C - Chi nhánh Tây Nam Bộ;

Căn cứ tình hình hoạt động thực tế sản xuất, kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.

Ban điều hành Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (Công ty) kính trình Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2025 của Công ty và thù lao quản lý Hệ thống cấp nước Khu đô thị Năm Căn, như sau:

I- TIỀN LƯƠNG VÀ THÙ LAO THỰC HIỆN NĂM 2025

1. Tiền lương và thù lao thực hiện năm 2025 của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau

Tổng quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025: **43.432.896.000** đồng.

1.1. Mức tiền lương và Quỹ tiền lương:

Tổng quỹ lương thực hiện năm 2025: **42.952.896.000** đồng.

Trong đó:

- Người lao động và Ban điều hành:

+ Tổng số lao động bình quân thực hiện: 254,92 người.

Trong đó: Ban điều hành : 03 người.

Người lao động : 251,92 người.

+ Mức tiền lương bình quân: 13.645.026 đồng/người/tháng.

+ Quỹ tiền lương: 41.740.680.000 đồng/năm.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị:

+ Mức tiền lương: 62.434.000 đồng/tháng.

+ Quỹ tiền lương: 749.208.000 đồng/năm.

- Trưởng Ban kiểm soát:

+ Mức tiền lương: 38.584.000 đồng/tháng.

+ Quỹ tiền lương: 463.008.000 đồng/năm.

1.2. Mức thù lao và Quỹ thù lao:

Tổng quỹ thù lao thực hiện năm 2025: **480.000.000** đồng.

Trong đó:

- Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

+ Số thành viên : 04 người.

+ Mức thù lao : 8.000.000 đồng/người/tháng.

+ Quỹ thù lao : 384.000.000 đồng/năm.

- Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

+ Số thành viên : 02 người.

+ Mức thù lao : 4.000.000 đồng/người/tháng.

+ Quỹ thù lao : 96.000.000 đồng/năm

2. Trường hợp khác

2.1. Thù lao của Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký HĐQT:

- Số lượng : 01 người.

- Mức thù lao : 4.000.000 đồng/tháng.

- Quỹ thù lao : 48.000.000 đồng/năm.

- Nguồn chi: Từ chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

2.2. Thù lao của lãnh đạo, quản lý không chuyên trách Hệ thống cấp nước khu đô thị Năm Căn:

- Số lượng: 04 người.
- Quỹ thù lao: 229.680.000 đồng/năm.
- Nguồn chi: Từ chi phí quản lý thuộc Hệ thống cấp nước Khu đô thị Năm Căn.

II- TIỀN THƯỞNG THỰC HIỆN NĂM 2025

1. Quỹ thưởng người quản lý:

Stt	Nội dung	ĐVT	Số tiền
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Đồng	93.651.000
2	Trưởng Ban kiểm soát	Đồng	57.876.000
3	Ban điều hành	Đồng	210.675.000
	Tổng cộng		362.202.000

2. Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động:

Stt	Chức danh	ĐVT	Số tiền
1	Quỹ khen thưởng	Đồng	1.879.047.745
2	Quỹ phúc lợi	Đồng	1.879.047.745
	Tổng cộng		3.758.095.490

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét, chấp thuận./.

Tài liệu gửi kèm:

(1). Bản thuyết minh chi tiết tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2025.

(2). Báo cáo tình hình sử dụng lao động năm 2025.

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị Công ty;
- BKS, BĐH Công ty;
- Lưu: VT, TCNS, KTTV *4/5*



TỔNG GIÁM ĐỐC *me*

Phạm Phước Tài

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026

Căn cứ Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Công văn số 2111/UBND-KTTH ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Cà Mau về việc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 29/12/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

Căn cứ tình hình hoạt động thực tế sản xuất, kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.

Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2025 (đã được kiểm toán) và số liệu quyết toán tiền lương thực hiện năm 2025, Ban điều hành Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (Công ty) kính trình Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt điều chỉnh tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của Công ty và thù lao quản lý Hệ thống cấp nước Khu đô thị Năm Căn, như sau:

I- TIỀN LƯƠNG VÀ THÙ LAO KẾ HOẠCH NĂM 2026 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Tổng quỹ tiền lương, quỹ thù lao kế hoạch năm 2026: **47.291.496.000** đồng.

1. Mức tiền lương và Quỹ tiền lương:

Tổng quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026: **46.811.496.000** đồng.

Trong đó:

- Người lao động và Ban điều hành:

+ Tổng số lao động bình quân kế hoạch : 260 người.

Trong đó: Ban điều hành : 05 người;

Người lao động : 255 người.

- + Mức tiền lương bình quân : 14.593.300 đồng/người/tháng.
- + Quỹ tiền lương : 45.531.096.000 đồng/năm.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị:
 - + Mức tiền lương : 70.300.000 đồng/tháng.
 - + Quỹ tiền lương : 843.600.000 đồng/năm.
- Trưởng Ban kiểm soát:
 - + Mức tiền lương : 36.400.000 đồng/tháng.
 - + Quỹ tiền lương : 436.800.000 đồng/năm.

2. Mức thù lao và Quỹ thù lao:

Tổng quỹ thù lao kế hoạch năm 2026: **480.000.000** đồng.

Trong đó:

- Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:
 - + Số thành viên: 04 người.
 - + Mức thù lao : 8.000.000 đồng/người/tháng.
 - + Quỹ thù lao : 384.000.000 đồng/năm.
- Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:
 - + Số thành viên: 02 người.
 - + Mức thù lao : 4.000.000 đồng/người/tháng.
 - + Quỹ thù lao : 96.000.000 đồng/năm

3. Tạm ứng chi tiền lương:

Trên cơ sở mức tiền lương kế hoạch được Hội đồng quản trị phê duyệt, hàng tháng Công ty tạm ứng 93% mức tiền lương kế hoạch để chi lương. Cuối năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh (sau khi có Báo cáo tài chính được kiểm toán) Công ty quyết toán tiền lương thực hiện theo quy định.

4. Chênh lệch giữa Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 đã được Hội đồng quản trị phê duyệt tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 29/12/2025 và Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 sau khi quyết toán tiền lương thực hiện năm 2025:

DVT: Triệu đồng.

Nội dung	Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 đã được HĐQT phê duyệt	Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 sau khi quyết toán lương thực hiện năm 2025	Chênh lệch
Người lao động và Ban điều hành	47.214.000.000	45.531.096.000	- 1.682.904.000

Nội dung	Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 đã được HĐQT phê duyệt	Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 sau khi quyết toán lương thực hiện năm 2025	Chênh lệch
+ Người lao động	44.370.000.000	42.687.096.000	- 1.682.904.000
+ Ban điều hành	2.884.000.000	2.884.000.000	0
Chủ tịch HĐQT	843.600.000	843.600.000	0
Trưởng BKS	436.800.000	436.800.000	0

*** Lý do:**

- Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 đã được HĐQT phê duyệt: Do số liệu xây dựng kế hoạch tiền lương dựa trên số **ước thực hiện** kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025.

- Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 sau khi quyết toán tiền lương thực hiện: Số liệu xây dựng kế hoạch tiền lương là **số thực**, dựa trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

- Các chỉ tiêu ảnh hưởng đến việc giảm Quỹ tiền lương kế hoạch: Tổng chi phí thực hiện năm 2025 tăng so với số ước thực hiện, đặc biệt là **chi phí chưa có lương tăng**.

+ Chi phí chưa có lương tăng làm cho năng suất lao động và mức tiền lương bình quân thực hiện của người lao động giảm so với số ước thực hiện, dẫn đến mức tiền lương bình quân kế hoạch của người lao động giảm theo.

+ Mức tiền lương bình quân kế hoạch của người lao động: 13.950.000 đồng/người/tháng.

+ Tuy nhiên, trong quá trình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, Ban điều hành sẽ chủ động thực hiện các giải pháp tiết giảm các khoản chi phí hợp lý để đảm bảo thu nhập bình quân của người lao động đạt theo kế hoạch tiền lương đã được cấp thẩm quyền thông qua.

II- TRƯỜNG HỢP KHÁC

1. Thù lao của người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký HĐQT:

- Số lượng : 01 người.
- Mức thù lao : 4.000.000 đồng/tháng.
- Quỹ thù lao : 48.000.000 đồng/năm.
- Nguồn chi: Từ chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty.

2. Thù lao của lãnh đạo, quản lý không chuyên trách Hệ thống cấp nước Khu đô thị Năm Căn:

- Số thành viên: 06 người.
- Mức thù lao bình quân: 5.121.667 đồng/người/tháng.
- Quỹ thù lao: 368.760.000 đồng/năm.
- Nguồn chi: Từ chi phí quản lý thuộc Hệ thống cấp nước Khu đô thị Năm

Căn.

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét, chấp thuận./.

Tài liệu gửi kèm:

- (1). Bản thuyết minh chi tiết tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026.
- (2). Kế hoạch sử dụng lao động năm 2026.

Nơi nhận: *MC*

- Hội đồng quản trị công ty;
- BKS, BĐH Công ty;
- Lưu: VT, TCNS, KTTV *4/8*

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Phước Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2111 /UBND-KTTH

Cà Mau, ngày 11 tháng 02 năm 2026

V/v kế hoạch sản xuất kinh doanh
năm 2026 của Công ty Cổ phần
Cấp nước Cà Mau

Kính gửi: Người Đại diện phần vốn nhà nước
tại Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau

Sau khi xem xét các nội dung xin ý kiến của Người Đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau trước khi họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 tại Tờ trình số 04/TTr-CNCM ngày 15/01/2026 về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 và Báo cáo số 08/BC-CNCM ngày 26/01/2026 về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025; rà soát, tham mưu, đề xuất của Sở Tài chính tại Công văn số 910/STC-ĐKKD ngày 28/01/2026 (kèm theo ý kiến của Sở Nội vụ tại Công văn số 577/SNV-VL ngày 26/01/2026); ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo báo cáo của Sở Tài chính tại Báo cáo số 76/BC-STC ngày 04/02/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Thông nhất Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau theo nội dung xin ý kiến của Người Đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau tại Tờ trình số 04/TTr-CNCM ngày 15/01/2026; yêu cầu Người Đại diện phần vốn nhà nước rà soát, có ý kiến tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 để biểu quyết theo quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Người Đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau thực hiện (kèm theo văn bản có liên quan qua iOffice)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ (iO);
- Sở Tài chính (iO);
- LĐVP UBND tỉnh (theo dõi);
- Phòng Kinh tế (Ph_{CNCM}01.3) (01b);
- Lưu: VT, M.A446/02.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Huỳnh Chí Nguyên

TỜ TRÌNH
Về việc xin ý kiến về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 29/12/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (Công ty) trình xin ý kiến Chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau) về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, với các nội dung chính: chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh; sử dụng lao động, quỹ tiền lương, quỹ thù lao của Công ty và Hệ thống cấp nước khu đô thị Năm Căn năm 2026 để làm cơ sở thực hiện và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2026, như sau:

I. ĐỐI VỚI CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

1. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026:

1.1. Chỉ tiêu về kỹ thuật:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Ước TH năm 2025	Kế hoạch năm 2026
1	Nước thương phẩm	m ³	17.600.000	17.600.000	17.800.000
2	Tỷ lệ thất thoát	%	15,00	15,00	14,50
3	Phát triển khách hàng	KH	2.000	2.150	2.500
4	Thay và cải tạo ĐHN	cái	13.000	13.000	14.500
5	Thu tiền nước không dùng tiền mặt	%	60	60	70

1.2. Chỉ tiêu về tài chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Ước TH năm 2025	Kế hoạch năm 2026	KH2026/TH2025
1	Tổng doanh thu	Trđ	153.600	155.022	158.700	102,37 %
2	Tổng chi phí	Trđ	131.600	131.582	132.775	100,91 %

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Ước TH năm 2025	Kế hoạch năm 2026	KH2026/TH2025
3	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	22.000	23.440	25.925	110,60 %
4	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	17.600	18.752	20.740	110,60 %
5	Nộp ngân sách	Trđ	30.000	33.922	35.000	103,18 %
6	Chia cổ tức	%	8,21	8,75	9,68	110,63 %

1.3. Phân phối lợi nhuận:

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung phân phối	Năm 2025			Kế hoạch 2026	
		Tỷ lệ (%)	Kế hoạch	Ước TH	Tỷ lệ (%)	Thành tiền
1	Quỹ đầu tư phát triển	1,5	264	281	1	207
2	Quỹ thưởng người quản lý	3	528	563	2,5	519
3	Dự phòng phải trả khác	3	528	563	1	207
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	3.520	3.750	23	4.770
	- Quỹ khen thưởng (KH 60%)	10	1.760	1.875	-	2.862
	- Quỹ phúc lợi (KH 40%)	10	1.760	1.875	-	1.908
5	Cổ tức	72,5	12.760	13.595	72,5	15.037
	Tổng cộng	100	17.600	18.752	100	20.740

2. Kế hoạch sử dụng lao động và quỹ tiền lương, quỹ thù lao năm 2026:

2.1. Kế hoạch sử dụng lao động:

Kế hoạch sử dụng lao động năm 2026 xây dựng trên cơ sở tình hình sử dụng lao động năm 2025 và quy mô hoạt động, cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, yêu cầu thực hiện khối lượng, chất lượng, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026 của Công ty.

Tổng số lao động bình quân kế hoạch năm 2026 là: **262** người.

Trong đó:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị (chuyên trách) : 01 người.
- Trưởng Ban kiểm soát (chuyên trách) : 01 người.
- Người lao động (bao gồm Ban điều hành) : 260 người.

Trong đó:

- + Ban điều hành : 05 người.
- + Người lao động : 255 người.

2.2. Kế hoạch quỹ tiền lương, quỹ thù lao:

2.2.1. Tiền lương:

a) Quỹ tiền lương:

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
1	Quỹ tiền lương Chủ tịch HĐQT	01	843,6	
2	Quỹ tiền lương Trưởng Ban kiểm soát	01	436,8	
3	Quỹ tiền lương người lao động (bao gồm Ban điều hành):	260	47.214	
	- Ban điều hành (TGD, P.TGD, KTT)	05	2.844	
	- Người lao động	255	44.370	
	Tổng cộng	262	48.494	

b) Mức tiền lương:

TT	Chức danh/chức vụ	Mức tiền lương (Triệu đồng/tháng)	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị		
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	70,3	ĐDVNN
II	Ban kiểm soát		
1	Trưởng Ban kiểm soát	36,4	
III	Người lao động (bao gồm Ban điều hành)	15,13	Mức tiền lương bình quân
1	Tổng giám đốc	60	ĐDVNN
2	Phó Tổng giám đốc	48	ĐDVNN
3	Phó Tổng giám đốc	45	Không ĐDVNN
4	Kế toán trưởng	39	
5	Người lao động	14,5	

2.2.2. Thù lao:

a) Quỹ thù lao:

TT	Chức danh	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
1	Thành viên Hội đồng quản trị	04	384	
2	Thành viên Ban kiểm soát	02	96	

TT	Chức danh	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
3	Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký Hội đồng quản trị	01	48	
	Tổng cộng	07	528	

b) Mức thù lao:

TT	Chức danh	Mức thù lao (Triệu đồng/tháng)	Ghi chú
1	Thành viên Hội đồng quản trị	08	
2	Thành viên Ban kiểm soát	04	
3	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Hội đồng quản trị	04	

II. ĐỐI VỚI HỆ THỐNG CẤP NƯỚC KHU ĐÔ THỊ NĂM CĂN

1. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026:

1.1. Chỉ tiêu về kỹ thuật:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Ước TH năm 2025	Kế hoạch năm 2026
1	Nước thương phẩm	m ³	1.100.000	1.031.332	1.050.000
2	Tỷ lệ thất thoát	%	20%	18,96%	18%
3	Phát triển khách hàng	KH	100	121	120
4	Thay và cải tạo ĐHN	Bộ	200	303	4.000
5	Thu tiền nước không dùng tiền mặt	%	55	85	90

1.2. Chỉ tiêu về tài chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Ước TH năm 2025	Kế hoạch năm 2026
1	Tổng doanh thu	Trđ	7.800	8.490	8.600
2	Tổng chi phí	Trđ	5.514	6.077	5.874
3	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	2.286	2.413	2.726
4	Thuế TNDN	Trđ	536	577	676
5	Lợi nhuận còn lại	Trđ	1.750	1.836	2.050

2. Kế hoạch sử dụng lao động và quỹ tiền lương, quỹ thù lao năm 2026:

2.1. Kế hoạch sử dụng lao động:

- Người quản lý (không chuyên trách) : 06 người.
- Người lao động : 14 người.

2.2. Kế hoạch tiền lương, thù lao:

Tổng quỹ tiền lương và quỹ thù lao: 2.804,76 triệu đồng.

2.2.1. Tiền lương của người lao động:

- Quỹ tiền lương: 2.436 triệu đồng.
- Mức tiền lương bình quân kế hoạch: 14,5 triệu đồng/người/tháng.

2.2.2. Thù lao của người quản lý (không chuyên trách):

- Quỹ thù lao: 368,76 triệu đồng.
- Mức thù lao: 10% mức tiền lương kế hoạch của các chức danh lãnh đạo quản lý Công ty.

Người đại diện phần vốn nhà nước kính trình Chủ sở hữu xem xét, cho ý kiến thực hiện./.

Tài liệu kèm theo:

(1). Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 29/12/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

(2). Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 và các phụ lục kèm theo (Kế hoạch sử dụng lao động; Kế hoạch tiền lương năm 2026 của Công ty và Kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

Nơi nhận:

- Chủ sở hữu (UBND tỉnh Cà Mau);
- Sở Tài chính Cà Mau;
- Sở Nội vụ Cà Mau;
- Lưu: VT, TCNS.



Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hồ Tấn Luật

Tổng giám đốc
Phạm Phước Tài

Phó Tổng giám đốc
Phạm Tấn Phong

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC CÀ MAU**

Số: 12 /NQ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 29 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau năm 2021;
Căn cứ Biên bản số 11/BB-HĐQT ngày 29/12/2025 về việc họp Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (trong đó, bao gồm Kế hoạch sử dụng lao động và Kế hoạch tiền lương năm 2026) tại Tờ trình số 54/TTr-CNCM ngày 26/12/2025 của Tổng giám đốc (có kèm theo).

HĐQT biểu quyết: Tán thành 05/05 thành viên, đạt tỷ lệ 100%.

Điều 2. Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định và Ban điều hành làm cơ sở triển khai thực hiện.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát Công ty;
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hồ Tấn Luật

TỜ TRÌNH

V/v xem xét, thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026
Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.

Ban điều hành Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (Công ty) kính trình Hội đồng quản trị cho chủ trương thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, với các nội dung chính về chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, phân phối lợi nhuận, sử dụng lao động và quỹ tiền lương, thù lao năm 2026, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

1.1. Chỉ tiêu kỹ thuật:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Ước TH năm 2025	Kế hoạch năm 2026
1	Nước thương phẩm	m ³	17.600.000	17.600.000	17.800.000
2	Tỷ lệ thất thoát	%	15,00	15,00	14,50
3	Phát triển khách hàng	KH	2.000	2.150	2.500
4	Thay và cải tạo ĐHN	Cái	13.000	13.000	14.500
5	Thu tiền nước không dùng tiền mặt	%	60	60	70

1.2. Chỉ tiêu về tài chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Ước TH năm 2025	Kế hoạch năm 2026	KH2026/TH2025
1	Tổng doanh thu	Trđ	153.600	155.022	158.700	102,37%
2	Tổng chi phí	Trđ	131.600	131.582	132.775	100,91%
3	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	22.000	23.440	25.925	110,60%
4	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	17.600	18.752	20.740	110,60%
5	Nộp ngân sách	Trđ	30.000	33.922	35.000	103,18%
6	Chia cổ tức	%	8,21	8,75	9,68	110,62%

2. Phân phối lợi nhuận:

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung phân phối	Năm 2025			Kế hoạch 2026	
		Tỷ lệ (%)	Kế hoạch	Ước TH	Tỷ lệ (%)	Thành tiền
1	Quỹ đầu tư phát triển	1,5	264	281	1	207
2	Quỹ thưởng người quản lý	3	528	563	2,5	519
3	Dự phòng phải trả khác	3	528	563	1	207
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	3.520	3.750	23	4.770
	- <i>Quỹ khen thưởng (KH 60%)</i>	10	1.760	1.875	-	2.862
	- <i>Quỹ phúc lợi (KH 40%)</i>	10	1.760	1.875	-	1.908
5	Cổ tức	72,5	12.760	13.595	72,5	15.037
	Tổng cộng	100	17.600	18.752	100	20.740

3. Về sử dụng lao động và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026:

3.1. Kế hoạch sử dụng lao động năm 2026:

Tổng số lao động bình quân kế hoạch năm 2026 là: **262** người.

Trong đó:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị (chuyên trách) : 01 người.
- Trưởng Ban kiểm soát (chuyên trách) : 01 người.
- Người lao động (bao gồm Ban điều hành) : 260 người.

Trong đó:

- + Ban điều hành : 05 người.
- + Người lao động : 255 người.

3.2. Kế hoạch quỹ tiền lương và thù lao năm 2026:

3.2.1. Quỹ tiền lương của người quản lý, người lao động:

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
1	Quỹ tiền lương Chủ tịch HĐQT	01	843,6	
2	Quỹ tiền lương Trưởng Ban kiểm soát	01	436,8	
3	Quỹ tiền lương người lao động (bao gồm Ban điều hành)	260	47.214	
	- <i>Ban điều hành (TGD, P.TGD, KKT)</i>	05	2.844	
	- <i>Người lao động</i>	255	44.370	
	Tổng cộng	262	48.494	

3.2.2. Mức tiền lương của người quản lý, người lao động:

TT	Chức danh/chức vụ	Mức tiền lương (Triệu đồng/tháng)	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị		
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	70,3	ĐDVNN
II	Ban kiểm soát		
1	Trưởng Ban kiểm soát	36,4	
III	Người lao động (bao gồm Ban điều hành)	15,13	Mức tiền lương bình quân
1	Tổng giám đốc	60	ĐDVNN
2	Phó Tổng giám đốc	48	ĐDVNN
3	Phó Tổng giám đốc	45	Không ĐDVNN
4	Kế toán trưởng	39	
5	Người lao động	14,5	

3.3. Quỹ thù lao và mức thù lao năm 2026:

3.3.1. Quỹ thù lao của người quản lý và người lao động:

TT	Chức danh	Kế hoạch 2026		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
1	Thành viên Hội đồng quản trị	4	384	
2	Thành viên Ban kiểm soát	2	96	
3	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Hội đồng quản trị	1	48	
	Tổng cộng	07	528	

3.3.2. Mức thù lao của người quản lý và người lao động:

TT	Chức danh	Mức thù lao (Triệu đồng/tháng)	Ghi chú
1	Thành viên Hội đồng quản trị	8	
2	Thành viên Ban kiểm soát	4	
3	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Hội đồng quản trị	4	

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét, chấp thuận thông qua./.

Tài liệu kèm theo:

- (1) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;
- (2) Phụ lục 1: Kế hoạch sử dụng lao động năm 2026;
- (3) Phụ lục 2: Kế hoạch tiền lương năm 2026.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS, BĐH Công ty;
- Lưu: VT, KHKD, iO.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Phước Tài

KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Phần 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025

1. Đặc điểm tình hình:

Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (Công ty) là doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối, chiếm 71,49% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp nước sạch. Hiện nay, Công ty đang quản lý, vận hành khai thác với công suất khoảng 60.000 m³/ngày đêm; phục vụ cung cấp nước khoảng 80.000 khách hàng (bao gồm hộ gia đình, cơ quan và doanh nghiệp); chiều dài mạng lưới đường ống khoảng 680 km, đường kính từ D42mm đến D400mm được lắp đặt tại các phường, xã của tỉnh Cà Mau. Mục tiêu chung của Công ty là kiểm soát an ninh an toàn nguồn nước, chất lượng nước, đảm bảo cấp nước an toàn phục vụ nhân dân và góp phần chung vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cà Mau.

Trong năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu nhiều tác động bất lợi từ biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, triều cường dâng cao, thời tiết cực đoan kéo dài, lưu lượng và chất lượng nước khai thác giảm. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo kịp thời của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và tinh thần đoàn kết, nỗ lực của tập thể người lao động, Công ty đã chủ động triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, vượt qua khó khăn và hoàn thành đạt vượt hầu hết các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua. Tăng trưởng đạt cao theo chỉ tiêu đã đăng ký, năng suất và thu nhập của người lao động được tăng thêm, đời sống ổn định, người lao động luôn đoàn kết, gắn bó với công việc, an tâm làm việc góp phần cho kết quả đạt được trong năm 2025 và định hướng phát triển năm 2026.

2. Kết quả thực hiện:

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

2.1.1. Các chỉ tiêu kỹ thuật:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Tỷ lệ ước thực hiện so kế hoạch	Ghi chú
1	Nước thương phẩm	m ³	17.600.000	17.600.000	100%	
2	Tỷ lệ thất thoát	%	15,00	15,00	100%	
3	Khách hàng phát triển mới	Bộ	2.000	2.150	107,50%	
4	Thay đồng hồ	Bộ	13.000	13.000	100%	
5	Thu tiền nước không dùng tiền mặt	%	60%	60%	100%	

2.1.2. Các chỉ tiêu về tài chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025	Ước thực hiện năm 2025	Tỷ lệ ước thực hiện so kế hoạch	Ghi chú
1	Tổng doanh thu và thu nhập	Trđ	153.600	155.022	100,93%	
2	Tổng chi phí	Trđ	131.600	131.582	99,99%	
3	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	22.000	23.440	106,55%	
4	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	17.600	18.752	106,55%	
5	Nộp ngân sách	Trđ	30.000	33.922	113,07%	
6	Chia cổ tức	%	8,21	8,75	106,58%	

2.1.3. Phân phối lợi nhuận:

TT	Nội dung phân phối	Kế hoạch năm 2025		Ước thực hiện năm 2025	
		Tỷ lệ	Thành tiền (Trđ)	Tỷ lệ	Thành tiền (Trđ)
1	Quỹ đầu tư phát triển	1,5%	264	1,5%	281
2	Quỹ thưởng người quản lý	3%	528	3%	563
3	Quỹ dự phòng tài chính	3%	528	3%	563
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20%	3.520	20%	3.750
5	Cổ tức	72,5%	12.760	72,5%	13.595
	Tổng cộng	100%	17.600	100%	18.752

2.2. Kết quả thực hiện các chế độ chính sách và sử dụng lao động:

2.2.1. Sử dụng lao động:

- Tổng số lao động: **254** người. Trong đó:

- + Chủ tịch Hội đồng quản trị (chuyên trách) : 01 người.
- + Trưởng Ban kiểm soát (chuyên trách) : 01 người.
- + Người lao động (bao gồm Ban điều hành) : 252 người.

- Công ty bố trí, sử dụng lao động hợp lý theo vị trí việc làm, bảo đảm phát huy năng lực chuyên môn của từng cá nhân; phân công nhiệm vụ rõ ràng, không chồng chéo; thường xuyên rà soát, điều chỉnh cơ cấu tổ chức nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động.

2.2.2. Tiền lương và thực hiện các chế độ theo quy định của nhà nước cho người lao động:

- Thực hiện chi trả tiền lương theo vị trí việc làm và kết quả đánh giá của mức độ hoàn thành nhiệm vụ; bảo đảm công bằng, minh bạch.

- Mức lương kế hoạch năm 2025: 12,5 triệu đồng/người/tháng; mức lương thực hiện bình quân: 13,8 triệu đồng/người/tháng.

- Thực hiện đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ phúc lợi khác theo quy định.

- Việc chi trả lương, thưởng đúng thời hạn theo Thỏa ước lao động tập thể và Nội quy Công ty.

2.2.3. Về an sinh, xã hội:

Công ty phối hợp chặt chẽ với Công đoàn, Đoàn thanh niên trong việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người lao động, thực hiện đầy đủ các chính sách an sinh xã hội, đồng thời tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng, thiện nguyện, hỗ trợ hộ nghèo, gia đình chính sách, thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

2.3. Công tác quản lý nội bộ

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản trị nội bộ phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn hoạt động.

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (ngày 06/6/2025), thông qua nhiều nội dung quan trọng về sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển.

- Tăng cường công tác an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy; xây dựng môi trường làm việc kỷ cương, an toàn và đoàn kết.

2.4. Công tác thực hiện sản xuất, kinh doanh:

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, công tác chuyên đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, quản lý và đầu tư, cải tạo, nâng cấp, mở rộng mạng đường ống, khoan giếng bổ sung nguồn cung cấp, lắp đặt hệ thống công nghệ lọc xử lý nước tại các trạm, nhà máy,

xúc rửa đường ống, bể chứa, bể lọc, sửa chữa nhà trạm, trụ sở làm việc của các đơn vị đảm bảo cung cấp nước ổn định phục vụ nhân dân.

- Thực hiện nghiêm túc quy trình vận hành của Công ty theo ca trực luân phiên, đảm bảo tuyệt đối để cung cấp nước phục vụ khách hàng an toàn, liên tục.

- Thực hiện theo dõi, quản lý, bàn giao trước, trong và sau ca vận hành. Thường xuyên thực hiện bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị, công nghệ, luôn đảm bảo sẵn sàng phục vụ trong công tác vận hành.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác vận hành và vệ sinh ngoại cảnh, vùng bảo hộ, vệ sinh khu vực lấy nước tại các nhà máy, trạm cấp nước đảm bảo an ninh an toàn nguồn nước đúng quy định và đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật Giấy phép khai thác nước của các giếng thuộc các trạm và nhà máy để thực hiện gia hạn, cấp phép mới. Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát hệ thống quan trắc online (lưu lượng, mực nước động và chất lượng) đảm bảo theo quy định của giấy phép.

2.5. Quản lý chất lượng nước, thiết bị đo và chống thất thoát:

- Phòng thử nghiệm đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 thực hiện công tác nội kiểm và thuê đơn vị ngoài thực hiện công tác ngoại kiểm. Đồng thời, phối hợp với Trung tâm kiểm soát bệnh tật Cà Mau thực hiện công tác ngoại kiểm theo định kỳ và đột xuất; đảm bảo nguồn nước sạch đạt chất lượng theo quy định cung cấp phục vụ đến khách hàng.

- Phối hợp Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng thực hiện công tác kiểm định đồng hồ nước theo mẫu, khi lắp đặt cho khách hàng đảm bảo theo quy định.

- Chống thất thoát nước là công tác trọng tâm, thường xuyên và thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ như: tăng cường công tác quản lý, phân vùng tách mạng, dò tìm rò rỉ, ứng dụng vật liệu, công nghệ để giảm tỷ lệ thất thoát theo quy định của Chính phủ.

2.6. Công tác ứng dụng công nghệ chuyển đổi số và chăm sóc khách hàng:

- Triển khai đẩy mạnh công tác chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, ứng dụng phần mềm quản lý khách hàng, lắp đặt đồng hồ thông minh, ghi chỉ số online, thu tiền nước không dùng tiền mặt, phát hành hóa đơn điện tử,... nhằm đơn giản hóa trong công tác quản lý và thuận tiện cho khách hàng.

- Phát triển App chăm sóc khách hàng, website của Công ty để khách hàng dễ dàng tiếp cận thông tin về dịch vụ của Công ty như: chất lượng nước, sự cố cấp nước, thanh toán tiền nước, yêu cầu sửa chữa, lắp đặt đồng hồ nước,... Hiện

nay, Công ty đang theo dõi, xử lý kịp thời các phản ánh của khách hàng qua kênh CaMau-G, kể cả ngày nghỉ, lễ đúng thời gian theo quy định.

- Thực hiện nghiêm Bộ thủ tục hành chính lĩnh vực cấp nước tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng trong việc thi công lắp đặt đồng hồ nước, sửa chữa, nâng cấp và thay thế đồng hồ cho khách hàng, các hồ sơ thủ tục, xử lý đúng thời hạn theo quy định, đảm bảo cung cấp nước an toàn, liên tục đến khách hàng.

2.7. Công tác tài chính, tài sản và công bố thông tin:

- Thực hiện đúng chế độ kế toán, giám sát tài chính, kiểm soát nội bộ, thu, chi, tiết kiệm chi phí, chi trả lương, quyết toán, xây dựng kế hoạch tài chính và công khai minh bạch công tác tài chính Công ty theo quy định.

- Sử dụng tốt tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ vào sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện đúng pháp luật về thuế, phí, bảo hiểm, cổ tức và nộp ngân sách theo quy định.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ kiểm toán độc lập và báo cáo đúng thời gian quy định.

- Công bố thông tin định kỳ, bất thường, đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

2.8. Công tác đầu tư, mua sắm và các công trình thực hiện phục vụ cho sản xuất kinh doanh:

- Công tác đầu tư, mua sắm: Mua sắm thường xuyên trên cơ sở được cân đối theo nguồn vốn Công ty thu được hàng tháng, mua sắm theo chương trình kế hoạch hoặc đầu tư, mua sắm bức thiết, đảm bảo cấp nước an toàn để phục vụ kịp thời đến người dân; BĐH đã thực hiện mời thầu, mua sắm trực tiếp, chỉ định thầu rút gọn thường xuyên phục vụ sản xuất kinh doanh như: xử lý nước, mua vật tư, thiết bị, hóa chất; đầu tư xây dựng; công nghệ, giếng khoan, trám lấp giếng, thay thế đồng hồ, tư vấn, phi tư vấn,... Ban điều hành đã thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, Nghị quyết của HĐQT, Quy trình mua sắm vật tư hoặc ý kiến của Chủ tịch HĐQT trong thực hiện các công việc thường xuyên, mang tính cấp bách để phục vụ đảm bảo cấp nước an toàn,... với mục tiêu là không mất cân đối nguồn thu hàng tháng, hiệu quả trong đầu tư, đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời, đúng chủng loại, phù hợp với điều kiện địa phương, không có gián đoạn, cấp nước an toàn, có dự trù và dự phòng đáp ứng được nhu cầu phục vụ kịp thời trong sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Công ty tiếp tục tạm ứng nguồn vốn SXKD để đầu tư, sửa chữa hệ thống cấp nước khu đô thị Năm Căn nhằm đảm bảo cấp nước an toàn phục vụ người dân trong khu vực.

- Công ty tập trung triển khai thi công các công trình cấp nước, phù hợp nhu cầu phát triển đô thị ở địa phương. Các công trình đã thực hiện gồm: Khu

nhà ở xã hội, tái định cư, cải tạo, nâng cấp, mở rộng mạng lưới cấp nước; đầu tư các công nghệ mới để giảm thất thoát nước; khoan giếng bổ sung nguồn nước; xử lý nước, trám lấp các giếng khoan không còn khai thác; súc rửa bể lọc, thay sỏi lọc; sửa chữa nhà trạm, trụ sở làm việc của các đơn vị; bảo trì, bảo dưỡng các giếng khoan, máy phát điện, tủ điều khiển bơm để nâng công suất khai thác và chất lượng nước.

2.9. Công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện SXKD:

Thực hiện kiểm tra thường xuyên việc chấp hành nội quy, quy định pháp luật, giám sát chất lượng nước, áp lực mạng lưới, thay đồng hồ hết niên hạn, phối hợp chính quyền địa phương trong xử lý gian lận, thất thoát nước, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và hiệu quả.

Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty phối hợp xây dựng kế hoạch định kỳ, bất thường hàng tháng và hàng quý để kiểm tra công tác quản lý tại các đơn vị trực thuộc, qua đó tổ chức họp đánh giá kết quả hoạt động của các đơn vị trực thuộc, kịp thời phân tích những tồn tại, hạn chế, đề ra giải pháp khắc phục (nếu có) và chỉ đạo thực hiện các biện pháp điều chỉnh phù hợp, nhằm bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu tăng trưởng trong sản xuất kinh doanh được giao.

2.10. Công tác khác

Công ty phối hợp chặt chẽ với Đảng ủy, Công đoàn và Đoàn Thanh niên trong việc triển khai công tác chính trị, phát động các phong trào thi đua, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, đồng thời tổ chức nhiều hoạt động xã hội, thiện nguyện, góp phần lan tỏa giá trị nhân văn và tinh thần trách nhiệm cộng đồng. Bên cạnh đó, Công ty phối hợp hiệu quả với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng trong việc đảm bảo cung cấp nước sạch ổn định, kịp thời cho các khu dân cư, tái định cư, khu đô thị mới, phù hợp với định hướng phát triển hạ tầng đô thị và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thực hiện hỗ trợ giá nước sạch cho hộ chính sách theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh, đảm bảo đúng đối tượng, đầy đủ, kịp thời.

Nhìn chung, trong năm 2025 Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau đã triển khai hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh, đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu, đảm bảo tăng trưởng ổn định, nâng cao hiệu quả tài chính, đời sống người lao động và uy tín doanh nghiệp. Tuy nhiên, vẫn còn một số công việc đang dở dang sẽ được chuyển tiếp sang năm 2026 thực hiện, để tiếp tục phát huy mục tiêu tăng trưởng của Công ty đề ra và phát triển bền vững.

Phần 2

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

1. Mục tiêu:

1.1. Mục tiêu tổng quát:

- Bảo đảm cung cấp nước sạch an toàn, liên tục, ổn định, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhân dân và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cà Mau.
- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý, vận hành, giám sát và chăm sóc khách hàng, hướng tới mô hình doanh nghiệp nước thông minh.
- Nâng cao công tác quản trị, năng suất lao động, giảm chi phí vận hành, tối ưu hóa nguồn lực, bảo vệ tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.
- Nâng cao uy tín, vị thế của Công ty về lĩnh vực cấp nước sạch phục vụ cho nhu cầu lợi ích cộng đồng và đảm bảo sức khỏe người sử dụng.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn cao về tự động hóa, công nghệ thông tin và quản lý mạng cấp nước; từng bước chuẩn hóa vị trí việc làm, nâng cao ý thức trách nhiệm, hiệu quả công việc và năng suất lao động.
- Hoàn thiện hệ thống quản lý trên nền tảng số, bảo đảm đồng bộ dữ liệu trong toàn Công ty phục vụ điều hành, sản xuất và kinh doanh; triển khai các hệ thống: quản lý nhân sự, khách hàng, thu tiền nước không dùng tiền mặt, quản lý mạng lưới, scada, quan trắc trực tuyến, đồng hồ thông minh, dò tìm rò rỉ và ứng dụng công nghệ mới để xử lý nước.
- Tăng cường quản lý kỹ thuật, kiểm soát thất thu thất thoát nước bằng các giải pháp: phân vùng tách mạng, dò tìm, sửa chữa rò rỉ, cải tạo tuyến ống không đạt chuẩn, thay đồng hồ nước không đạt yêu cầu, xử lý các hành vi gian lận trong sử dụng nước.
- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng thông qua ứng dụng công nghệ thông tin (Tổng đài nội bộ, ứng dụng chăm sóc khách hàng, Zalo OA, Website, mạng xã hội,...). Tiếp nhận, xử lý kịp thời ý kiến phản ánh của khách hàng, bảo đảm cung cấp nước an toàn, ổn định và liên tục.
- Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực cấp nước theo hướng đơn giản - minh bạch - nhanh gọn, tạo thuận lợi tối đa cho người dân tổ chức và doanh nghiệp.
- Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung đầu tư, mua sắm, tiếp nhận chuyển tiếp từ năm 2025, khi được cấp thẩm quyền chấp thuận như: đầu tư, tiếp nhận Nhà máy nước Năm Căn; hồ nước ngọt U Minh, xây dựng Trạm cấp nước

Phan Ngọc Hiền và tiếp nhận các khu đất được giao hoặc mua đất đầu tư các trạm cấp nước tại các phường, xã; mua sắm thiết bị, thuê dịch vụ tư vấn và phi tư vấn, bảo đảm theo quy định và hiệu quả.

- Triển khai đồng bộ, quyết liệt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, bảo đảm thực hiện nghiêm túc, hiệu quả và phù hợp với định hướng phát triển của Công ty cũng như định hướng tăng trưởng phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

2.1. Chỉ tiêu kỹ thuật:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026
1	Nước thương phẩm	m ³	17.600.000	17.600.000	17.800.000
2	Tỷ lệ thất thoát	%	15,00	15,00	14,50
3	Phát triển khách hàng	KH	2.000	2.150	2.500
4	Thay và cải tạo ĐHN	Cái	13.000	13.000	14.500
5	Thu tiền nước không dùng tiền mặt	%	60%	60%	70%

2.2. Chỉ tiêu về tài chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	KH2026/TH2025
1	Tổng doanh thu	Trđ	153.600	155.022	158.700	102,37%
2	Tổng chi phí	Trđ	131.600	131.582	132.775	100,91%
3	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	22.000	23.440	25.925	110,60%
4	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	17.600	18.752	20.740	110,60%
5	Nộp ngân sách	Trđ	30.000	33.922	35.000	103,18%
6	Chia cổ tức	%	8,21	8,75	9,68	110,63%

2.3. Phân phối lợi nhuận:

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung phân phối	Năm 2025			Kế hoạch 2026	
		Tỷ lệ	Kế hoạch	Ước thực hiện	Tỷ lệ	Thành tiền
1	Quỹ đầu tư phát triển	1,5%	264	281	1%	207
2	Quỹ thưởng người quản lý	3%	528	563	2,5%	519
3	Dự phòng phải trả khác	3%	528	563	1%	207

TT	Nội dung phân phối	Năm 2025			Kế hoạch 2026	
		Tỷ lệ	Kế hoạch	Ước thực hiện	Tỷ lệ	Thành tiền
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20%	3.520	3.750	23%	4.770
	- <i>Quỹ khen thưởng (KH 60%)</i>	10%	1.760	1.875		2.862
	- <i>Quỹ phúc lợi (KH 40%)</i>	10%	1.760	1.875		1.908
5	Cổ tức	72,5%	12.760	13.595	72,5%	15.037
	Tổng cộng:	100%	17.600	18.752	100%	20.740

* Dự phòng phải trả khác được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính. Khoản dự phòng này thuộc nguồn vốn chủ sở hữu; trường hợp không sử dụng hết, phần còn lại được bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển theo quy định.

3. Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng lao động và quỹ tiền lương năm 2026:

3.1. Kế hoạch lao động năm 2026:

- Công ty tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, sắp xếp nhân sự hợp lý, phát huy sở trường từng cá nhân, bảo đảm năng suất và hiệu quả hoạt động:

- Tổng số lao động: **262** người. Trong đó:

- + Chủ tịch HĐQT (chuyên trách) : 01 người.
- + Trưởng BKS (chuyên trách) : 01 người.
- + Người lao động (bao gồm BDH) : 260 người.

Trong đó:

- . Ban điều hành : 05 người.
- . Người lao động : 255 người.

- Kế hoạch sử dụng lao động năm 2026 chi tiết kèm theo **Phụ lục 1**.

3.2. Kế hoạch tiền lương năm 2026:

- Trên cơ sở kết quả sản xuất, kinh doanh năm 2025, các chỉ tiêu thực hiện đạt, vượt so với kế hoạch và năng suất lao động tăng, Công ty xây dựng quỹ lương kế hoạch năm 2026 như sau:

- Tổng quỹ tiền lương **48.494** triệu đồng.

Trong đó:

- + Quỹ tiền lương Chủ tịch HĐQT : 843,6 triệu đồng.
- + Quỹ tiền lương Trưởng BKS : 436,8 triệu đồng.
- + Quỹ tiền lương người lao động (bao gồm BDH): 47.214 triệu đồng.

Trong đó:

. Ban điều hành : 2.844 triệu đồng.

. Người lao động : 44.370 triệu đồng.

- Tổng quỹ thù lao: **528** triệu đồng.

- Kế hoạch tiền lương năm 2026 chi tiết kèm theo **Phụ lục 2**.

4. Các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

4.1. Công tác quản trị nội bộ

- Rà soát, cập nhật, hoàn thiện quy chế, quy định nội bộ phù hợp pháp luật và tình hình thực tế.

- Nâng cao hiệu quả quản trị, chất lượng nhân sự, cải thiện môi trường làm việc và thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định.

- Cải thiện môi trường làm việc, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, Thỏa ước lao động tập thể; tăng cường giám sát công tác an toàn lao động, PCCC, kỷ luật lao động

4.2. Công tác đầu tư và phát triển

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số theo Nghị quyết 57-NQ/TW vào tổ chức, hoạt động sản xuất kinh doanh và cung cấp nước.

- Tiếp tục thực hiện đầu tư, mua sắm chuyển tiếp của năm 2025 chuyển sang như: nhà máy nước Năm Căn, Nhà máy nước mặt U Minh, trạm cấp nước Ngọc Hiển, mua đất đầu tư các trạm cấp nước các tại các phường Tân Thành, Hòa Thành, An Xuyên và Lý Văn Lâm, nhà máy nước đóng chai, mua ô tô chuyên dùng, thiết bị và các dịch vụ tư vấn, phi tư vấn.

- Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, mua và xin giao đất để xây dựng mới các trạm cấp nước, khoan giếng khai thác mới, nâng cấp các tuyến ống và cải tạo hạ tầng không đạt chuẩn kỹ thuật; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để chỉnh trang và phát triển hạ tầng cấp nước kịp thời phục vụ người dân. Song song đó, thực hiện mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ, hóa chất phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh, bảo đảm đáp ứng yêu cầu vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả của hệ thống cấp nước.

- Đầu tư và lắp đặt thiết bị công nghệ hiện đại: hệ thống xử lý nước, quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước, giám sát áp lực mạng, scada, biến tần, đồng hồ thông minh, thiết bị dò tìm rò rỉ, năng lượng mặt trời,...

- Thực hiện các dịch vụ tư vấn, phi tư vấn như: lập thủ tục đất đai, giấy phép khai thác, lập dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm định giá, phần mềm chuyên ngành, bảo hiểm,...

- Cải tạo, sửa chữa trụ sở, nhà máy, trạm cấp nước, bảo trì thiết bị điện, cơ khí, máy phát, bơm, tủ điều khiển theo quy định.

- Tiếp nhận các hệ thống cấp nước do UBND tỉnh bàn giao (nếu có), đảm bảo vận hành hiệu quả và an toàn.

- Tiếp tục tạm ứng nguồn vốn SXKD của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau và hoàn trả từ nguồn lợi nhuận hàng năm của Hệ thống cấp nước Khu đô thị Năm Căn để đầu tư cải tạo, mở rộng đường ống cấp nước, phát triển khách hàng, thay thế, nâng, di dời đồng hồ nước hết niên hạn kiểm định, hệ thống công nghệ, xử lý nước, khoan giếng nâng nguồn cấp,... nhằm đảm bảo cấp nước an toàn phục vụ người dân trong khu vực.

Trong quá trình thực hiện, giao Ban điều hành cân đối nguồn tiền Công ty thu được hàng tháng và Quy trình mua sắm vật tư đã ban hành để thực hiện mời thầu, mua sắm trực tiếp hoặc chỉ định thầu rút gọn thường xuyên để phục vụ sản xuất kinh doanh như: đầu tư nguồn nước, mua sắm vật tư thường xuyên, hóa chất, thiết bị, công nghệ xử lý nước, tư vấn, phi tư vấn, thay thế, nâng, di dời đồng hồ nước, cải tạo, mở rộng đường ống cấp nước, xây dựng, bảo dưỡng giếng khoan, công nghệ, máy phát điện, trám lấp giếng,... phù hợp với điều kiện tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty. Trường hợp, do yêu cầu cấp thiết, vì nhiệm vụ cấp nước an toàn cho hệ thống, phục vụ người dân hoặc yêu cầu của địa phương, thì giao Ban điều hành xin ý kiến HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT xem xét, cho ý kiến để Ban điều hành căn cứ thực hiện kịp thời.

4.3. Công tác tổ chức vận hành và quản lý sản xuất - kinh doanh

- Tiếp tục duy trì thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, giám sát chất lượng nước tại các nhà máy, trạm cấp và trên toàn hệ thống đường ống theo đúng quy chuẩn kỹ thuật hiện hành; tăng cường tần suất nội, ngoại kiểm nhằm bảo đảm chất lượng nước cung cấp đến khách hàng luôn đáp ứng đầy đủ các quy định.

- Triển khai mở rộng hơn nữa công tác giám sát trực tuyến thông qua hệ thống camera, cảm biến chất lượng nước, thiết bị truyền tín hiệu và hệ thống scada; lắp đặt bổ sung bộ cảm biến áp lực để theo dõi biến động áp lực mạng, kịp thời phát hiện và xử lý sự cố. Đồng thời thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ vùng vệ sinh lấy nước, bảo đảm an toàn và ổn định nguồn nước cung cấp.

- Tiếp tục thực hiện công tác phân vùng, tách mạng và lắp đặt đồng hồ tổng nhằm theo dõi, kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước để có phương án xử lý cụ thể; chủ động dò tìm rò rỉ, kịp thời sửa chữa và điều tiết áp lực nước để hạn chế thất thoát, giảm chi phí và tránh lãng phí tài nguyên nước.

- Đồng bộ hóa các chủng loại vật tư, thiết bị trong toàn hệ thống cấp nước; thay thế các đồng hồ nước không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, hết niên hạn kiểm định và áp dụng niêm phong chì bằng nhựa có mã QR để cập nhật thông tin khách hàng thay cho phương thức bấm chì truyền thống.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức của khách hàng trong việc sử dụng nước đúng mục đích, tiết kiệm và tránh lãng phí tài nguyên nước.

4.4. Công tác chăm sóc khách hàng

- Tiếp tục, kiện toàn đội ngũ chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp, xử lý kịp thời phản hồi của khách hàng. Tiếp tục mở rộng các kênh chăm sóc khách hàng (các ứng dụng di động, website của Công ty,...) để khách hàng dễ dàng tiếp cận thông tin về dịch vụ của Công ty như: chất lượng nước, sự cố cấp nước, thanh toán tiền nước, yêu cầu sửa chữa, lắp đặt đồng hồ nước,...

- Khảo sát định kỳ nhu cầu khách hàng, lập kế hoạch mở rộng mạng lưới hợp lý, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng nước.

- Tích hợp công nghệ AI vào công tác ghi chỉ số đồng hồ cơ nhằm hỗ trợ ghi nhận nhanh hơn, chính xác hơn và giảm thiểu các sai sót không đáng có. Tiếp tục duy trì thực hiện việc lắp đặt mới, thay thế và di dời đồng hồ nước theo đúng quy định, bảo đảm công tác ghi chỉ số được thực hiện thuận tiện, hiệu quả và chính xác.

- Triển khai thực hiện thu tiền nước không dùng tiền mặt bắt buộc đối với các khu vực nội ô; đồng thời vận động khách hàng tại các khu vực còn lại thanh toán không dùng tiền mặt thông qua các kênh như ngân hàng, ví điện tử và ứng dụng di động, nhằm tạo sự thuận tiện trong quá trình thanh toán và tiến tới chấm dứt việc thu tiền nước tại nhà.

4.5. Các giải pháp để tăng doanh thu và lợi nhuận

- Tập trung khai thác hiệu quả thị trường khách hàng hiện hữu, đồng thời đẩy mạnh phát triển khách hàng mới tại các khu nhà ở xã hội, khu dân cư, khu đô thị, khu, cụm công nghiệp và các công trình công cộng; tăng cường tuyên truyền, vận động người dân chuyển đổi từ sử dụng nguồn nước tự khai thác sang sử dụng nước sạch tập trung, qua đó nâng cao tỷ lệ đầu nối, tăng sản lượng tiêu thụ và doanh thu ổn định, bền vững.

- Triển khai quyết liệt các giải pháp giảm thất thoát, thất thu nước và kiểm soát chi phí, tập trung vào phân vùng; tách mạng; dò tìm, sửa chữa rò rỉ; cải tạo, thay thế các tuyến ống xuống cấp; tối ưu hóa công tác vận hành hệ thống nhằm tiết giảm chi phí điện năng, hóa chất xử lý nước và chi phí sửa chữa thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường công tác quản lý ghi thu, hóa đơn và công nợ, kiểm soát chặt chẽ chỉ số đồng hồ, xác định đúng mục đích sử dụng nước; bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, giảm nợ đọng, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và dòng tiền của Công ty.

- Hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp theo hướng minh bạch, hiệu quả, nâng cao chất lượng dự báo, lập kế hoạch và điều hành; gắn trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị với kết quả thực hiện chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, sử dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có, phấn đấu hoàn thành và vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

- Phát triển và khai thác hiệu quả các dịch vụ phụ trợ trong lĩnh vực cấp nước như lắp đặt, di dời, thay thế và kiểm định đồng hồ nước, dịch vụ sửa chữa, tư vấn kỹ thuật theo quy định; chuẩn hóa quy trình và đơn giá dịch vụ, đa dạng hóa nguồn thu ngoài tiền nước, góp phần gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

4.6. Công tác tài chính, tài sản và công nợ

- Tiếp tục tăng cường cập nhật và thực hiện nghiêm chế độ kế toán, chức năng quản lý, giám sát tài chính, kiểm soát nội bộ, kiểm tra, giám sát thu, chi, công nợ, xây dựng kế hoạch tài chính, tiền lương, có giải pháp tiết kiệm chi phí, đẩy nhanh công tác quyết toán, công khai minh bạch kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng quy định.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả vốn, tài sản, vật tư, công cụ dụng cụ; khai thác tối đa nguồn vốn nội bộ, sử dụng linh hoạt nguồn vay.

- Thực hiện nghiêm túc pháp luật về thuế, kê khai và nộp đầy đủ, kịp thời các loại thuế, phí, các khoản bảo hiểm, cổ tức và các khoản nộp ngân sách theo quy định.

- Tập trung nguồn vốn đầu tư các công trình thực sự cần thiết phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh. Chú trọng vào việc đầu tư thêm các công nghệ hiện đại, nghiên cứu các biện pháp quản lý, áp dụng khoa học công nghệ, tăng năng suất lao động.

- Tiếp tục rà soát, xử lý kịp thời các tài sản, hàng hóa, vật tư tồn kho, phế liệu hiện không còn phù hợp sử dụng để xử lý, thanh lý, hủy bỏ theo quy định.

4.7. Công tác công bố thông tin

- Thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, song ngữ (Việt – Anh) đối với Công ty đại chúng theo quy định.

4.8. Về công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện SXKD:

- Ban kiểm soát thường xuyên tổ chức công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty tại các đơn vị trực thuộc; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm duy trì ổn định và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Duy trì kiểm tra định kỳ và đột xuất chất lượng nước tại các nhà máy, trạm cấp nước, mạng lưới phân phối và tại nguồn cấp, bảo đảm các chỉ tiêu an toàn theo quy chuẩn quốc gia như: độ pH, độ đục, hàm lượng vi sinh, kim loại nặng,... đảm bảo nước cung cấp đến người sử dụng đạt tiêu chuẩn an toàn, ổn định và liên tục.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát áp lực tại các nhà máy, trạm cấp nước và các điểm bất lợi trên mạng lưới để kịp thời điều chỉnh chế độ vận hành phù hợp, đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

- Rà soát, kiểm tra mục đích sử dụng nước và đối tượng khách hàng nhằm điều chỉnh theo quy định, góp phần giảm thất thu, tạo sự công bằng, minh bạch và hài hòa lợi ích giữa khách hàng và Công ty.

- Tổ chức kiểm tra, thay thế kịp thời các đồng hồ nước hết niên hạn kiểm định hoặc không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, tiến tới chuẩn hóa hệ thống đồng hồ, cao độ và vị trí lắp đặt, giúp thuận lợi, nhanh chóng và chính xác trong công tác ghi chỉ số.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng mạng lưới đường ống, giếng khoan, trạm xử lý nước, biến tần, bơm chìm, máy phát điện dự phòng; kịp thời phát hiện, khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, an toàn và hiệu quả phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng trong việc kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp khách hàng sử dụng nước gian lận, không đúng quy định, nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của Công ty và người tiêu dùng.

- Ban Điều hành định kỳ hàng tháng và hàng quý tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, phân tích nguyên nhân các hạn chế, khó khăn; từ đó đề ra biện pháp khắc phục, chỉ đạo kịp thời để hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

4.9. Công tác khác

- Phối hợp với Đảng ủy trong việc xây dựng và phát triển tổ chức, đảm bảo sự thống nhất giữa định hướng chính trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, dân chủ và minh bạch, thường xuyên phối hợp để đánh giá, rút kinh nghiệm và giải quyết các vấn đề phát sinh,...

- Phối hợp Công đoàn cơ sở, Đoàn thanh niên tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật, nội quy, quy định Công ty; phát động phong trào thi đua khuyến khích người lao động đưa ra các sáng kiến cải tiến trong sản xuất và tiết kiệm chi phí; chăm lo đời sống người lao động; các hoạt động thiện nguyện,...

- Tiếp tục đẩy mạnh tham gia các hoạt động xã hội, thiện nguyện, nhân đạo; thể hiện rõ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với cộng đồng, góp phần lan tỏa các giá trị nhân văn và hình ảnh tích cực của Công ty trong xã hội.

- Thực hiện tốt công tác chi hỗ trợ giá nước sạch cho các hộ gia đình chính sách theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh, đảm bảo đúng đối tượng, đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.

5. Nguồn vốn:

- Nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty (thu tiền nước, lắp đặt ống nhánh, cúp mở nước).

- Nguồn để lại từ khoản thu hộ ngân sách Nhà nước theo quy định;

- Nguồn khấu hao.

- Nguồn hợp pháp khác.

- Nguồn huy động: Vay ngắn hạn hoặc vay trung và dài hạn tại các tổ chức tín dụng, ngân hàng, phù hợp theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty (do Hội đồng quản trị xem xét quyết định).

Phần 3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi được cấp có thẩm quyền thông qua, Ban Điều hành Công ty căn cứ nội dung Kế hoạch này, tổ chức triển khai thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, hiệu quả trong toàn Công ty. Các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm nghiêm túc thực hiện, chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện thực tế của từng đơn vị. Trường hợp có phát sinh, khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, Ban điều hành kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị xem xét, cho ý kiến thực hiện.

Trường hợp có những công trình đầu tư, xây dựng, mua sắm, tư vấn, phi tư vấn, xử lý nước, khoan giếng,... vượt hạn mức quy định hoặc nằm ngoài kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, mang tính cấp thiết để phục vụ khách hàng; ĐHĐCĐ giao cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT cho ý kiến Ban điều hành thực hiện kịp thời để đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục phục vụ đến khách hàng. Các trường hợp khác, cho phép Ban điều hành cân đối nguồn thu hàng

tháng tiếp tục thực hiện ngay việc chỉ định thầu rút gọn để kịp thời tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng của Công ty và hoàn thành kế hoạch được giao./.

*** Đính kèm:**

- Phụ lục 1: Kế hoạch sử dụng lao động năm 2026;
- Phụ lục 2: Kế hoạch tiền lương năm 2026;
- Phụ lục 3: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Cà Mau;
- HĐQT Công ty;
- BKS, BĐH Công ty;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Cty;
- Lưu: VT, PKHKD, iO.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Phước Tài

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM 2026

*(Kèm theo Kế hoạch số 15/KH-CNCM ngày 26/12/2025
của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau)*

1. Cơ sở xây dựng kế hoạch:

- Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

- Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.

- Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.

2. Mục tiêu:

- Đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động và phù hợp với chiến lược sản xuất, kinh doanh của Công ty.

- Sắp xếp, bố trí lao động phù hợp với trình độ chuyên môn, tay nghề, năng lực, sở trường của người lao động và nhu cầu công việc của các đơn vị, nhằm sử dụng lao động hiệu quả.

3. Đánh giá tình hình lao động năm 2025:

3.1. Số lượng lao động:

- Tổng số lao động: **254** người. Trong đó:

+ Chủ tịch HĐQT (chuyên trách) : 01 người;

+ Trưởng BKS (chuyên trách) : 01 người;

+ Người lao động (bao gồm BĐH) : 252 người.

Cụ thể:

TT	Tổng số lao động	Số LĐ năm 2024 chuyển sang	Số LĐ tuyển mới	Số LĐ thôi việc, nghỉ hưu	Số LĐ dự kiến đến thời điểm 31/12	Số LĐ bình quân sử dụng 2025
I	Chủ tịch HĐQT	1	0	0	1	1
II	Trưởng BKS	1	0	1	1	1
III	Người lao động (bao gồm BDH)	255	4	6	252	255
1	Ban điều hành	3			3	3
1	Phòng Tổ chức Nhân sự	16		2	15	15
2	Phòng Kế toán Tài vụ	9			9	9
3	Phòng Kế hoạch Kinh doanh	43	2	1	38	42
4	Phòng Cấp nước an toàn	19			23	21
5	Phòng Kỹ thuật	13			14	13
6	Xí nghiệp Cấp nước Cà Mau 1	34			33	34
7	Xí nghiệp Cấp nước Cà Mau 2	36	1	1	36	36
8	Xí nghiệp Xây lắp Cơ điện	17	1	1	18	17
9	Chi nhánh CN Sông Đốc	15			14	15
10	Chi nhánh CN Trần Văn Thời	5			5	5
11	Chi nhánh CN Khánh An	11			11	11
12	Chi nhánh CN Thới Bình	7			7	7
13	Chi nhánh CN Cái Đôi Vàm	8			8	8
14	Chi nhánh CN Đầm Dơi	7		1	6	7
15	Chi nhánh CN Cái Nước	6			6	6
16	Chi nhánh CN Phan Ngọc Hiền	6			6	6
	CỘNG (I + II + III)	257	4	7	254	

- Số lao động bình quân thực tế sử dụng trong năm 2025:

- + Chủ tịch HĐQT (chuyên trách) : 01 người;
- + Trưởng BKS (chuyên trách) : 01 người;
- + Người lao động (bao gồm BDH) : 255 người.

3.2. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đào tạo:

3.2.1. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

- Người lao động (bao gồm Ban điều hành):

- + Thạc sĩ : 04 người, tỷ lệ: 1,59 %/tổng số NLĐ;
- + Đại học : 109 người, tỷ lệ: 43,25 %/tổng số NLĐ;
- + Cao đẳng, trung cấp : 45 người, tỷ lệ: 17,86 %/tổng số NLĐ;
- + Lao động có tay nghề : 17 người, tỷ lệ: 6,75 %/tổng số NLĐ;
- + Lao động phổ thông : 77 người, tỷ lệ: 30,55 %/tổng số NLĐ.

3.2.2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng:

Bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ: 18 lớp, với số lượng: 321 lượt người.

3.3. Cơ cấu lao động:

3.3.1. Theo giới tính:

- Lao động nữ : 43 người, tỷ lệ: 17,06 %/tổng số NLĐ;
- Lao động nam : 209 người, tỷ lệ: 82,94 %/tổng số NLĐ.

3.3.2. Lao động gián tiếp và trực tiếp:

- Lao động gián tiếp: 73 người, tỷ lệ: 28,97 %/tổng số NLĐ;
- Lao động trực tiếp: 179 người, tỷ lệ: 71,03 %/tổng số NLĐ.

3.3.3. Tỷ lệ lao động thôi việc:

- Số lao động thôi việc: 06 người, tỷ lệ: 2,38 %/tổng số NLĐ.

3.4. Hiệu quả sử dụng lao động:

3.4.1. Ưu điểm:

- Hiệu suất lao động tăng: Công ty sắp xếp, bố trí lao động theo vị trí việc làm hiệu quả; thực hiện các chỉ tiêu đạt và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm.

- Sử dụng nhân lực hiệu quả: Lựa chọn, bố trí người lao động phù hợp với chuyên môn, tay nghề, năng lực, sở trường và yêu cầu công việc.

- Tỷ lệ thôi việc thấp: Chủ yếu lao động lớn tuổi, sức khỏe không đảm bảo xin tự nguyện thôi việc hoặc hết tuổi lao động.

- Tuân thủ pháp luật về lao động: Ban điều hành phối hợp với Công đoàn cơ sở Công ty tuyên truyền, phổ biến công tác an toàn vệ sinh lao động, tổ chức

các lớp tập huấn, trang bị bảo hộ lao động theo yêu cầu công việc của người lao động; trong năm không xảy ra sự cố về an toàn lao động.

3.4.2. Hạn chế:

- Công tác quản lý, giám sát của một số lãnh đạo cấp đơn vị còn hạn chế, thiếu kỹ năng lãnh đạo dẫn đến lao động làm việc chưa đạt hiệu suất như mong muốn.

- Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu với tình hình mới hiện nay, khả năng thích nghi với công nghệ mới còn hạn chế.

- Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chưa đạt hiệu quả cao, thiếu chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ định kỳ, thường tập trung đào tạo theo nhu cầu cấp bách.

4. Kế hoạch sử dụng lao động năm 2026:

4.1. Tổng số lao động:

Kế hoạch lao động năm 2026 xây dựng trên cơ sở tình hình sử dụng lao động năm 2025 và quy mô hoạt động, cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, yêu cầu thực hiện khối lượng, chất lượng, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty, cụ thể:

Tổng số lao động bình quân kế hoạch năm 2026 là: **262** người.

Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT (chuyên trách) : 01 người;
- Trưởng BKS (chuyên trách) : 01 người;
- Người lao động (bao gồm BĐH) : 260 người.

Trong đó:

- + Ban điều hành : 05 người
- + Người lao động : 255 người

(Ghi chú: Tăng 2%/lao động bình quân thực tế sử dụng năm 2025, tương đương 05 lao động).

4.2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng:

Năm 2026, theo yêu cầu nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, Công ty đào tạo dài hạn, đào tạo ngắn hạn và bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ hoặc nâng cao tay nghề cho người lao động, nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn,

tăng hiệu suất làm việc, đáp ứng yêu cầu của vị trí công việc và phát triển bền vững Công ty.

5. Tổ chức thực hiện:

Kế hoạch này sau khi được cấp thẩm quyền thông qua, Ban điều hành phối hợp với Công đoàn cơ sở tổ chức thực hiện theo quy định của Công ty và pháp luật./.

**PHÒNG TỔ CHỨC
NHÂN SỰ**



Lê Nhan Quyền

**ĐD. CÔNG ĐOÀN
CƠ SỞ CÔNG TY.**



Trần Quốc Tuấn

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Phước Tài

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2026

*(Kèm theo Kế hoạch số 15/KH-CNCM ngày 26/12/2025
của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau)*

1. Cơ sở xây dựng kế hoạch:

- Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.
- Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.
- Hệ thống thang, bảng lương theo vị trí việc làm của người lao động và Quy định trả lương, thưởng cho người lao động làm việc tại Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất) năm 2024.
- Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.

2. Mục tiêu:

- Xây dựng mức lương kế hoạch phù hợp với khả năng tài chính và hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- Mức lương phản ánh đúng giá trị công việc và sự đóng góp của người quản lý, người lao động trong Công ty.
- Phù hợp với các quy định về mức lương tối thiểu, bảo hiểm xã hội bắt buộc và các chế độ, chính sách khác theo quy định của Công ty và pháp luật.

3. Quỹ tiền lương và quỹ thù lao thực hiện năm 2025 (ước thực hiện):

3.1. Quỹ tiền lương và mức tiền lương năm 2025:

3.1.1. Quỹ tiền lương của người quản lý và người lao động:

TT	Nội dung	Ước thực hiện 2025		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
1	Quỹ tiền lương Chủ tịch HĐQT	01	777,48	

TT	Nội dung	Ước thực hiện 2025		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
2	Quỹ tiền lương Trưởng ban kiểm soát	01	480,48	
3	Quỹ tiền lương người lao động (bao gồm Ban điều hành):	255	43.724	
	- Ban điều hành (TGD, P.TGD, KKT)	03	1.765	
	- Người lao động	252	41.959	
	Tổng cộng	257	44.982	

Quỹ tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát (chuyên trách) bao gồm: Tiền lương thực hiện theo kế hoạch và tiền lương trích thêm do lợi nhuận thực hiện tăng so với lợi nhuận kế hoạch (lợi nhuận ước thực hiện đạt 106,55%).

3.1.2. Mức tiền lương của người quản lý và người lao động:

TT	Chức danh/chức vụ	Mức tiền lương kế hoạch năm 2025 (Tr.đồng/tháng)	Mức tiền lương ước thực hiện năm 2025 (Tr.đồng/tháng)	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị			
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	58,9	64,7	ĐDVNN
II	Ban kiểm soát			
1	Trưởng Ban kiểm soát	36,4	40	
II	Người lao động (bao gồm Ban điều hành)	13	14,2	Mức TL bình quân
1	Tổng giám đốc	50	55,5	ĐDVNN
2	Phó Tổng giám đốc	45	49,9	ĐDVNN
3	Kế toán trưởng	37,5	41,6	
4	Người lao động	12,5	13,8	

3.2. Quỹ thù lao và mức thù lao năm 2025:

3.2.1. Quỹ thù lao:

TT	Chức danh	Ước thực hiện 2025		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
1	Thành viên Hội đồng quản trị	4	384	

TT	Chức danh	Ước thực hiện 2025		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
2	Thành viên Ban kiểm soát	2	96	
3	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Hội đồng quản trị	1	48	
	Tổng cộng	07	528	

3.2.2. Mức thù lao:

TT	Chức danh	Mức thù lao (Triệu đồng/tháng)	Ghi chú
1	Thành viên Hội đồng quản trị	8	
2	Thành viên Ban kiểm soát	4	
3	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Hội đồng quản trị	4	

4. Kế hoạch tiền lương và thù lao năm 2026:

Trên cơ sở kết quả sản xuất, kinh doanh năm 2025 và dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026; tình hình sử dụng lao động năm 2025 và kế hoạch lao động năm 2026 và yêu cầu thực hiện khối lượng, chất lượng công việc của người quản lý, người lao động tại Công ty. Công ty xây dựng Kế hoạch quỹ tiền lương, quỹ thù lao năm 2026, như sau:

4.1. Quỹ tiền lương và mức tiền lương năm 2026:

4.1.1. Quỹ tiền lương của người quản lý, người lao động:

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
1	Quỹ tiền lương Chủ tịch HĐQT	01	843,6	
2	Quỹ tiền lương Trưởng Ban kiểm soát	01	436,8	
3	Quỹ tiền lương người lao động (bao gồm Ban điều hành)	260	47.214	
	- Ban điều hành (TGD, P.TGD, KKT)	05	2.844	
	- Người lao động	255	44.370	
	Tổng cộng	262	48.494	

4.1.2. Mức tiền lương của người quản lý, người lao động:

TT	Chức danh/chức vụ	Mức tiền lương (Triệu đồng/tháng)	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị		
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	70,3	ĐDVNN
II	Ban kiểm soát		
1	Trưởng Ban kiểm soát	36,4	
III	Người lao động (bao gồm Ban điều hành)	15,13	Mức tiền lương bình quân
1	Tổng giám đốc	60	ĐDVNN
2	Phó Tổng giám đốc	48	ĐDVNN
3	Phó Tổng giám đốc	45	Không ĐDVNN
4	Kế toán trưởng	39	
5	Người lao động	14,5	

4.2. Quỹ thù lao và mức thù lao năm 2026:

4.2.1. Quỹ thù lao của người quản lý và người lao động:

TT	Chức danh	Kế hoạch 2026		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
1	Thành viên Hội đồng quản trị	4	384	
2	Thành viên Ban kiểm soát	2	96	
3	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Hội đồng quản trị	1	48	
	Tổng cộng	07	528	

4.2.2. Mức thù lao của người quản lý và người lao động:

TT	Chức danh	Mức thù lao (Triệu đồng/tháng)	Ghi chú
1	Thành viên Hội đồng quản trị	8	
2	Thành viên Ban kiểm soát	4	
3	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Hội đồng quản trị	4	

5. Tổ chức thực hiện:

- Công ty trả tiền lương, thù lao cho người quản lý, người lao động theo Hệ thống thang, bảng lương theo vị trí việc làm, các quy chế, quy định trả lương, thưởng của người quản lý, người lao động và đảm bảo thời hạn trả lương đúng theo quy định của Thỏa ước Lao động tập thể.

- Trên cơ sở Quỹ tiền lương kế hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, hàng tháng Công ty tạm ứng 93% để chi lương cho người quản lý và người lao động. Cuối năm, căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh Công ty thực hiện quyết toán Quỹ tiền lương thực hiện theo quy định và sẽ quyết toán số còn lại (nếu có) cho người quản lý, người lao động đúng thời hạn quy định.

- Kế hoạch này sau khi được cấp thẩm quyền thông qua, Ban điều hành phối hợp với Công đoàn cơ sở tổ chức thực hiện theo quy định của Công ty và pháp luật./.

**PHÒNG TỔ CHỨC
NHÂN SỰ**



Lê Nhan Quyên

**ĐD. CÔNG ĐOÀN
CƠ SỞ CÔNG TY**



Trần Quốc Tuấn

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Phước Tài